

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT

Ngày 06 tháng 3 năm 2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất
và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Các Thẩm phán:

Ông Trần Phước Hội

Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 06/3/2018, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLPT-KDTM ngày 30/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 388/2017/QĐ-PT ngày

29/12/2017, các Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐ-PT ngày 25/01/2018 và số 48/2018/QĐ-PT ngày 07/02/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên. Địa chỉ trụ sở: Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh H - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Thanh H là ông Huỳnh Bạch K - Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 3 năm 2017)

Địa chỉ: Phường B, Tp. S.

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn - Một thành viên T. (TNHH - MTV)

Trụ sở: Phường A, Tp. S.

Người đại diện theo pháp luật là: Bà Đào Thị D - Giám đốc.

Địa chỉ: Phường A, Tp. S.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Hồng Q, sinh năm 1977 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2015).

Địa chỉ: Phường A, Tp. S.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đào Hồng Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường A, Tp. S.

2. Ông Lê Trường S, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường A, Tp. S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trường S là Luật sư Cao Minh T - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Cao Minh Q, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường C, Tp. S.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Phường E, Tp. B, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N là anh Trần Lê Thế Â, sinh năm 1982 là người đại diện theo ủy quyền của ông N (văn bản ủy quyền ngày 18 tháng 01 năm 2016).

Địa chỉ: Phường A, Tp. Sa Đéc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N là Luật sư Hồ Thị X, Luật sư Võ Thị T - Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

5. Bà Nguyễn Huỳnh K, sinh năm 1978.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Huỳnh K là ông Lê Trường S, sinh năm 1977 là người đại diện theo ủy quyền của bà K (theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 4 năm 2016).

Cùng địa chỉ: Phường A, Tp. S.

6. Bà Đào Thị Ánh S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Phường H, Tp. S.

7. Bà Đoàn Thị Hồng P, sinh năm 1983.

Người đại diện hợp pháp của bà S, bà P là ông Đào Hồng Q, sinh năm 1977 (văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017).

Cùng địa chỉ: Phường H, Tp. S.

8. Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Phường A, Tp. S.

9. Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: xã T, Tp. S.

10. Ông Huỳnh Thanh Đ, sinh năm 1953.

Địa chỉ: xã T, Tp. S.

11. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: xã D, huyện V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, ông Huỳnh Bạch K trình bày:

Ngày 10/8/2010 Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S có ký hợp đồng tín dụng số 08111011.195/HĐTD cho Công ty TNHH - MTV T vay số tiền 3.000.000.000 đồng, ngày 18/10/2010 ký tiếp phụ kiện hợp đồng tín dụng điều chỉnh hạn mức giảm còn 1.800.000.000 đồng, ngày 19/10/2010 ký phụ kiện hợp đồng tín dụng điều chỉnh từ 1.800.000.000 đồng, tăng lên 3.600.000.000 đồng. Mục đích vay để xây dựng công trình, vận tải hàng hóa, lãi suất 1,23%/tháng, thời hạn vay 12 tháng (đến 19/10/2011 hết hạn).

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ vay theo hợp đồng số 195 ngày 10/8/2010 giữa Ngân hàng với ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q bao gồm:

1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà diện tích 636,7m² số bìa BB 871132 mang tên Lê Trường S và Đào Hồng Q cấp ngày 23/9/2010 (có nhà nghỉ K gắn liền

với đất).

2. Quyền sử dụng đất diện tích 801,3m² số bìa BC 376649 mang tên Lê Trường S và Đào Hồng Q cấp 21/7/2010 (ông S đứng 01 giấy và ông Q đứng tên 01 giấy).

3. Quyền sử dụng đất diện tích 3997m² số bìa BB 030024 mang tên Lê Trường S và Đào Hồng Q cấp ngày 19/5/2010.

4. Quyền sử dụng đất diện tích 2118m² số vào sổ H-01182 mang tên Lê Trường S và Đào Hồng Q cấp ngày 23/10/2009.

5. Quyền sử dụng đất diện tích 398,6m² số vào sổ H-01149 mang tên Lê Trường S và Cao Minh Q cấp ngày 03/7/2008.

Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 22/12/2011 Công ty TNHH - MTV T trả cho Ngân hàng tiền gốc 990.000.000 đồng, trả lãi 332.945.700 đồng (từ ngày 22/4/2011 đến ngày 17/11/2011), còn nợ lại tiền gốc 2.610.000.000 đồng. Do đến hạn nhưng không có khả năng thanh toán nên ông Đào Hồng Q và ông Lê Trường S (là người thế chấp tài sản để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty TNHH - MTV T) thỏa thuận chuyển nhượng các tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn N để lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý. Ngày 05/3/2012 các bên thỏa thuận mua bán tài sản như sau: *"Chi nhánh Ngân hàng NN-PTNT thành phố S đồng ý cho hai bên tự thỏa thuận mua bán chuyển nhượng tài sản thế chấp (mục đích mua bán tài sản để thu hồi nợ vay của Công ty TNHH T tại Ngân hàng, giá chuyển nhượng hai bên tự thỏa thuận)".*

Sau khi thỏa thuận Công ty TNHH - MTV T thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 1.392.519.400 đồng (do ông Nguyễn Văn N nộp thay), dư nợ gốc còn lại là 1.466.700.000 đồng chưa thanh toán.

Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q, ông Lê Trường S, ông Cao Minh Q có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn gốc 1.466.700.000

đồng, lãi tính đến ngày xét xử ngày 12/9/2017 số tiền là 1.897.177.197 đồng. Tổng cộng vốn, lãi 3.363.877.197 đồng, yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đảm bảo nợ vay nếu Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q, ông Lê Trường S, ông Cao Minh Q không trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn: Công ty TNHH - MTV T ông Đào Hồng Q đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Hồng P, bà Đào Thị Ánh S có văn bản trình bày như sau:

Ông Q thống nhất theo lời trình bày của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cũng như số tiền vay, thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay. Tuy nhiên, do Công ty TNHH - MTV T làm ăn thất bại không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên ông Q với tư cách chủ sở hữu tài sản thế chấp và đại diện cho Công ty TNHH - MTV T đã cùng với ông Lê Trường S thỏa thuận bán tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn N lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý cho chuyển nhượng theo văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012, ông N đã trả nợ thay cho Công ty TNHH - MTV T là 1.392.519.400 đồng, mục đích lấy tài sản thế chấp ra để tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho ông N, số tiền này sẽ được trừ vào tiền chuyển nhượng, nhưng sau đó ông Lê Trường S thay đổi ý kiến không chuyển nhượng đất cho ông N, nên phát sinh tranh chấp, lỗi này hoàn toàn thuộc về ông Lê Trường S.

Công ty TNHH - MTV T và ông Đào Hồng Q đồng ý liên đới cùng ông Lê Trường S, Cao Minh Q trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S số tiền nợ gốc 1.466.700.000 đồng, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp về việc đảm bảo tài sản. Đồng thời, ông Q đồng ý cùng ông S trả lại cho ông N số tiền 1.392.519.400 đồng

mà ông N đã trả nợ Ngân hàng thay cho Công ty TNHH - MTV T vì ông Q cũng đồng ý huỷ văn bản thỏa thuận mua bán tài sản ngày 05/3/2012 giữa ông N với ông Q, ông S và Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Trường S và là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Huỳnh K trình bày:

Ông S thừa nhận có dùng tài sản là quyền sử dụng đất do ông S và ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q đứng tên để bảo lãnh cho Công ty TNHH hai thành viên T (do Đào Hồng Q làm Giám đốc, bà Đào Thị Ánh S là thành viên Công ty) vay số tiền 3.600.000.000 đồng tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng mà đại diện Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, thời gian sau Công ty TNHH hai thành viên T chuyển đổi thành Công ty TNHH - MTV T (do bà Đào Thị D làm Giám đốc) thì ông S không biết và ông xác định không có thể chấp tài sản để bảo lãnh cho Công ty TNHH - MTV T vay. Quá trình vay do làm ăn thua lỗ nên Công ty TNHH hai thành viên T, ông S, ông Q chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ông S cũng thừa nhận, do Công ty TNHH - MTV T không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, nên ông S và ông Q với tư cách chủ sở hữu tài sản thế chấp bảo lãnh nợ đã thỏa thuận bán tài sản thế chấp cho ông N lấy tiền trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý theo văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012 và ông N đã trả nợ thay cho Công ty là 1.392.519.400 đồng, mục đích lấy tài sản thế chấp ra để tiến hành thủ tục chuyển nhượng cho ông N, số tiền này sẽ được trừ vào tiền chuyển nhượng, nhưng sau đó do ông N và ông Q không thực hiện theo văn bản thỏa thuận nên các bên chưa thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, lỗi này hoàn toàn thuộc về ông N với ông Q.

Ông S không đồng ý liên đới cùng Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q trả nợ cho Ngân hàng, lý do ông S chỉ bảo lãnh cho Công ty

TNHH hai thành viên T vay tiền, chứ không phải bảo lãnh cho Công ty TNHH - MTV T.

Về ý kiến của bà K yêu cầu huỷ một phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 195 ngày 10/8/2010 đối với thửa đất 16, thửa 270, thửa 267, thửa 306, thửa 66 cấp cho ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q và ông Cao Minh Q, đây là tài sản chung của vợ chồng ông S, bà K trong thời kỳ hôn nhân, nhưng ông S thế chấp tài sản cho Ngân hàng để bảo lãnh cho Công ty TNHH hai thành viên T vay tiền, không được sự đồng ý của bà K, nên không đồng ý liên đới cùng Ngân hàng, Công ty TNHH - MTV T, ông Q, bà P trả số tiền 1.392.519.400 đồng cho ông N, vì bà K không có nhận số tiền này và bà K không có ký tên trong văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012.

+ Anh Trần Lê Thế Â là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 05/3/2012 giữa ba bên là Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, Công ty TNHH - MTV T (do ông Đào Hồng Q và ông Lê Trường S đại diện), ông Nguyễn Văn N (bên mua tài sản) cùng tiến hành ký văn bản thỏa thuận mua bán tài sản để trả nợ vay của Công ty TNHH - MTV T tại Ngân hàng có nội dung:

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam - Chi nhánh S đồng ý cho Công ty TNHH - MTV T (do ông S, ông Q đại diện) bán các tài sản mà Công ty đang thế chấp tại Ngân hàng cho ông Nguyễn Văn N, theo thỏa thuận này thì ông N trả tiền gốc cho Ngân hàng 2.610.000.000 đồng.

Sau khi ký văn bản thỏa thuận, từ ngày 05/3/2012 đến ngày 25/4/2012 ông N đã nộp vào Ngân hàng tổng số tiền là 1.392.519.400 đồng. Sau đó, ông S nói với ông N phần đất chuyển nhượng nằm trong diện quy hoạch (cụ thể là khu nhà nghỉ K) nên ông N ngưng nộp tiền, tiến hành xác minh tìm hiểu thì được biết phần đất này không có nằm trong diện quy hoạch giải tỏa, nên ông N đến gặp Ban giám đốc

Ngân hàng tiếp tục thực hiện theo văn bản thoả thuận ngày 05/3/2012, lúc này ông S không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q, ông Lê Trường S, bà Nguyễn Huỳnh K, bà Đoàn Thị Hồng P liên đới trả cho ông N số tiền 1.392.519.400 đồng, không yêu cầu tính lãi.

+ Ông Cao Minh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có ý kiến như sau:

Ông Cao Minh Q và ông Lê Trường S cùng đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa số 66, tờ bản đồ 32 diện tích 398,6m² tọa lạc phường Đ, thành phố S. Hiện nay phần diện tích đất trên ông S thế chấp để vay vốn cho Công ty TNHH - MTV T. Ông Cao Minh Q đồng ý phát mãi tài sản để trả nợ cho Ngân hàng.

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh Đ, bà Huỳnh Thị Tuyết M, bà Phạm Thị H, bà Lê Thị Thanh T là những người thuê đất không có ý kiến, đồng ý theo yêu cầu của Ngân hàng, nếu Công ty TNHH - MTV T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền phát mãi tài sản.

Bản án Kinh doanh thương mại số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án S quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S.

- Buộc Công ty TNHH - MTV T, ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S số tiền:

Nợ gốc 1.466.700.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/11/2011 đến ngày 12/9/2017 là 1.897.177.197 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 3.363.877.197 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH - MTV T, ông

Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 195 ngày 10/8/2010 để đảm bảo thi hành án.

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S có trách nhiệm trả các giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba (hợp đồng bảo lãnh) số 195 ngày 10/8/2010 nếu tài sản thế chấp không bị phát mãi và Ngân hàng đã thu hồi nợ xong.

- Chấp nhận một phần yêu cầu (độc lập) của ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, Công ty TNHH - MTV T, ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, bà Nguyễn Huỳnh K, bà Đoàn Thị Hồng P liên đới trả số tiền 1.392.519.400 đồng.

- Huỷ bỏ văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012 giữa ông Nguyễn Văn N với ông Đào Hồng Q, ông Lê Trường S, Công ty TNHH - MTV T, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S.

- Buộc Công ty TNHH - MTV T, ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 1.392.519.400 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu (độc lập) của bà Nguyễn Huỳnh K về việc yêu cầu huỷ một phần hợp đồng thế chấp số 195 ngày 10/8/2010 đối với thửa đất 16, thửa 270, thửa 267, thửa 306, thửa 66 cấp cho ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q và ông Cao Minh Q.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2017 ông Đào Hồng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo. Ông cho rằng Tòa án nhân dân thành phố S hủy văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012, nhưng không nêu phần lỗi thuộc về ông Lê Trường S và phải buộc ông S trả tiền cho ông N.

Ngày 02/10/2017 bà Nguyễn Huỳnh K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo. Bà cho rằng Tòa án nhân dân thành phố S không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà là không đúng vì khi ký hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Lê Trường S với Ngân hàng bà không ký tên và đây là tài sản chung, nên yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp số 195 ngày 10/8/2010 đối với thửa đất số 270, 66, 16; bà thống nhất không yêu cầu thửa 267, 306 theo bản án.

Ngày 30/9/2017 ông Lê Trường S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trong đó có phần buộc ông S liên đới cùng Công ty TNHH - MTV T trả nợ cho Ngân hàng và không chấp nhận yêu cầu của ông N về buộc Công ty và ông S liên đới trả nợ bởi vì lỗi này thuộc về ông Q với ông N, không có lỗi của ông S.

Ngày 02/10/2017 ông Nguyễn Văn N (Trần Lê Thế Â) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, yêu cầu Ngân hàng phải có trách nhiệm liên đới cùng Công ty TNHH - MTV T trả nợ cho ông N.

Ngày 03/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S có Quyết định số 41/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ngân hàng cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q và Lê Trường S trả tiền cho ông N, với nhận định: Trong trường hợp tuyên bố văn bản ngày 05/3/2012 vô hiệu thì số nợ của Công ty T theo hợp đồng vay vẫn còn giá trị pháp lý, Công ty phải thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng, nên Ngân hàng phải có trách

nhiệm cùng với các đương sự khác trả lại tiền cho ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện là Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Huỳnh Bạch K, thay đổi một phần yêu cầu. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Lê Trường S có trách nhiệm trả phần tiền còn lại cho Ngân hàng là 77.660.000 đồng và tiếp tục tính lãi theo như hợp đồng tín dụng, nếu ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ tiến hành phát mãi, thanh lý tài sản thế chấp của ông S để thu hồi nợ.

Ông Lê Trường S rút toàn bộ kháng cáo đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, ông đồng ý trả tiền vay còn nợ là 77.660.000 đồng và lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S. Trong trường hợp ông không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền thanh lý tài sản thế chấp của ông để thu hồi nợ, bởi vì tài sản thế chấp là của cá nhân ông vẫn đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và đồng ý trả phần nợ của ông Nguyễn Văn N, không yêu cầu các người khác có trách nhiệm liên đới cùng trả.

Ông Lê Trường S đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Huỳnh K đồng ý rút toàn bộ kháng cáo đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S và ông đại diện cho bà K đồng ý nếu không thanh toán được nợ và lãi cho Ngân hàng thì sẽ thanh lý tài sản thế chấp để trả nợ vì đây là tài sản của riêng ông.

Anh Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N rút một phần đơn kháng cáo, anh không yêu cầu Ngân hàng phải có trách nhiệm liên đới cùng Công ty TNHH - MTV T trả nợ cho ông N mà chỉ yêu cầu ông Lê Trường S trả phần tiền còn lại là 42.519.400 đồng không yêu cầu tính lãi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến, quan điểm của

Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm như sau:

Đối với việc thỏa thuận vay tiền và thế chấp tài sản của các đương sự là có thật, theo nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm không buộc Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S có trách nhiệm liên đới cùng các đương sự khác trả phần tiền cho ông N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S thay đổi, chỉ yêu cầu ông Lê Trường S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 77.660.000 đồng và lãi theo hợp đồng, được ông S đồng ý và ông S đã rút toàn bộ kháng cáo. Đối với kháng cáo của bà K, ông S là người đại diện theo ủy quyền của bà K, do Ngân hàng thay đổi yêu cầu và nợ do ông S trả, nên ông S đồng ý rút toàn bộ kháng cáo của bà K. Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có anh Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền của ông N, do đã thỏa thuận được với ông S đã nhận được 1.350.000.000 đồng, nên anh Â rút một phần kháng cáo chỉ yêu cầu ông Lê Trường S tiếp tục trả 42.519.400 đồng, được ông S đồng ý. Đối với kháng cáo của ông Đào Hồng Q được Tòa án triệu tập lần thứ 3, nhưng vắng mặt không lý do, xem như ông Q đã từ bỏ quyền kháng cáo của mình, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, xét thấy

Quyết định số 41/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S kháng nghị đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S là không cần thiết, nên Viện kiểm sát Tỉnh rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 41/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S yêu cầu ông Lê Trường S trả cho Ngân hàng số tiền còn lại là 77.660.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay tại thời điểm trả nợ, được ông Lê Trường S đồng ý.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Văn N có anh Trần Lê Thế Â đại diện theo ủy quyền yêu cầu ông Lê Trường S trả số tiền còn lại là 42.519.400 đồng và không yêu cầu tính lãi, được ông Lê Trường S đồng ý.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lê Trường S, bà Nguyễn Huỳnh K, ông Đào Hồng Q và đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân thành phố S xác định yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, tỉnh Đồng Tháp tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản với Công ty TNHH - MTV T theo khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét thấy hợp đồng tín dụng số 08111011.195/HĐTD ngày 10/8/2010, các phụ kiện hợp đồng số 08111011.195 PK-HĐTD và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba (hợp đồng bảo lãnh) số 195 ngày 10/8/2010 thể hiện giữa bên cho vay là Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S với bên vay là Công ty TNHH hai thành viên T, bên thế chấp tài sản đảm bảo là ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q là có thật, đúng quy định tại Điều 715 của Bộ luật dân sự, khoản 2 và 3 Điều 5, Điều 28 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ, Điều 106, khoản 7 và 8 Điều 113 của Luật Đất đai năm 2003.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 17/02/2012 Công ty TNHH hai thành viên T do ông Đào Hồng Q làm Giám đốc chuyển đổi thành Công ty TNHH - MTV T do bà Đào Thị D (là em của ông Đào Hồng Q) làm Giám đốc. Theo công văn số 1278/SKHĐT-ĐKKD ngày 30/6/2016 của Sở Kế hoạch đầu tư thể hiện, Công ty TNHH - MTV T tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của Công ty TNHH hai thành viên T. Căn cứ theo điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định trường hợp bên bảo đảm là pháp nhân được tổ chức lại, nên Công ty TNHH - MTV T phải thực hiện nghĩa vụ các giao dịch của Công ty TNHH hai thành viên T là đúng quy định.

Ngày 05/3/2012 do đến hạn trả nợ nhưng Công ty TNHH - MTV T không có khả năng thanh toán nên ông S và ông Đào Hồng Q đã thỏa thuận bán tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Văn N để trả nợ cho Ngân hàng và được Ngân hàng đồng ý. Căn cứ theo văn bản thỏa thuận thể hiện bên nhận chuyển nhượng là ông N với bên chủ sở hữu tài sản chuyển nhượng là ông S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q (ông Cao Minh Q uỷ quyền cho ông S được quyền thực hiện chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp...), Ngân hàng chỉ là bên nhận tài sản thế chấp đồng ý cho ông S, ông Q thỏa thuận chuyển nhượng tài sản thế chấp để trả nợ của Công ty, việc thỏa thuận chuyển nhượng tài sản thế chấp của các bên đương sự trên tinh thần tự nguyện giữa

chủ sở hữu tài sản thế chấp là ông Q, ông S có quyền thỏa thuận bán tài sản của mình thông qua sự đồng ý của bên nhận tài sản thế chấp để thu hồi nợ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2003.

[4] Xét đơn kháng cáo của ông Đào Hồng Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông cho rằng Tòa án nhân dân thành phố S hủy văn bản thỏa thuận ngày 05/3/2012, nhưng không nêu phần lỗi thuộc về ông Lê Trường S và phải buộc ông S trả tiền cho ông N, kháng cáo của ông Đào Hồng Q là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì: Các đương sự thỏa thuận trả nợ cho Ngân hàng với mục đích lấy tài sản thế chấp tại Ngân hàng để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, sự thỏa thuận này có sự đồng ý của ông S với ông Q là chủ sở hữu tài sản, việc thỏa thuận trả nợ này là tự nguyện và tiền trả được trừ vào số tiền nợ tại Ngân hàng người hưởng lợi là Công ty được giảm nợ, trong đó có ông Q và ông S, nên phải có trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho ông N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đào Hồng Q được triệu tập hợp lệ lần thứ 3, nhưng ông Q vắng mặt, xem như ông Q từ bỏ quyền kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Trường S, không chấp nhận nghĩa vụ liên đới cùng Công ty trả nợ cho Ngân hàng với lý do ông S bảo lãnh nợ cho Công ty TNHH hai thành viên T chứ không phải bảo lãnh cho Công ty TNHH - MTV T, kháng cáo của ông S không đúng với điểm d khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định "Trường hợp bên bảo đảm là pháp nhân được tổ chức lại" và không chấp nhận trả nợ cho ông N, bởi vì lỗi này thuộc về ông Q với ông N, không có lỗi của ông S. Tại phiên tòa ông S thừa nhận ông N nộp tiền cho Ngân hàng lấy tài sản thế chấp của ông S để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, trách nhiệm bảo lãnh của ông S giảm xuống, nên ông S có nghĩa vụ liên đới cùng Công ty trả nợ cho ông N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S đã thỏa

thuận được với Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S, đồng ý trả số tiền còn lại là 77.660.000 đồng, cùng với phần tiền lãi phát sinh theo hợp đồng, ông S rút toàn bộ đơn kháng cáo đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Xét thấy việc thỏa thuận và rút đơn kháng cáo của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Huỳnh K, bà cho rằng Tòa án không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà là không đúng vì khi ký hợp đồng thế chấp tài sản giữa ông Lê Trường S với Ngân hàng bà không ký tên vào hợp đồng, đây là tài sản chung, nên yêu cầu hủy một phần hợp đồng thế chấp số 195 ngày 10/8/2010 đối với thửa đất số 270, 66, 16; bà thống nhất không yêu cầu thửa 267, 306 theo bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm ông S đại diện theo ủy quyền của bà K đồng ý rút toàn bộ đơn kháng cáo. Xét thấy việc thỏa thuận và rút đơn kháng cáo của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có anh Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Ngân hàng phải có trách nhiệm liên đới cùng Công ty trả nợ cho ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Lê Thế Â đồng ý rút một phần đơn kháng cáo, chỉ yêu cầu ông Lê Trường S có trách nhiệm trả cho ông N số tiền còn lại là 42.519.400 đồng và không yêu cầu ông S phải trả lãi, ông S đồng ý với yêu cầu của ông N do anh Â là người đại diện theo ủy quyền. Xét thấy việc thỏa thuận và rút một phần đơn kháng cáo của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[8] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S có Quyết định số 41/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2017 kháng nghị bản án Kinh

doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ngân hàng cùng có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH - MTV T, ông Đào Hồng Q và Lê Trường S trả tiền cho ông N. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa rút toàn bộ Quyết định kháng nghị số 41/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên kháng nghị đối với bản án sơ thẩm là không cần thiết và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[9] Phần tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông Lê Trường S và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của ông Nguyễn Văn N do các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đề nghị của các vị Luật sư là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[10] Từ những phân tích và sự thỏa thuận của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S theo hướng: Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S với ông Lê Trường S, ông S đồng ý trả 77.660.000 đồng, cùng với phần tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Công nhận sự thỏa thuận của anh Trần Lê Thế Ân người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N, yêu cầu ông Lê Trường S có trách nhiệm trả cho ông N số tiền còn nợ là 42.519.400 đồng và không yêu cầu ông S phải trả lãi, ông S đồng ý với yêu cầu của ông N do anh Ân là người đại diện theo ủy quyền.

[11] Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các kháng cáo của ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, bà Nguyễn Huỳnh K có ông Lê Trường S là người đại diện theo ủy quyền của bà K và đình chỉ một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có anh

Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền của ông N, do các bên đương sự tự nguyện rút đơn kháng cáo đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Do bản án sơ thẩm bị sửa, nên các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các phần còn lại của bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471; 474; 476; 369; 715; 721 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357; 468; 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 106; 113 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 91 và 95 Luật tín dụng;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận việc rút Quyết định kháng nghị số 41/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố S.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lê Trường S, bà

Nguyễn Huỳnh K và ông Đào Hồng Q.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn N có anh Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N.

Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo hướng:

Công nhận sự thỏa thuận của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S yêu cầu đối với ông Lê Trường S trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S với số tiền còn nợ là 77.660.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 08111011.195/HĐTD ngày 10/8/2010 và các phụ kiện hợp đồng ngày 18/10/2010 và ngày 19/10/2010. Ông Lê Trường S đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S với số tiền còn nợ là 77.660.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 195 ngày 10/8/2010 để đảm bảo thi hành án.

Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S có trách nhiệm trả các giấy tờ về tài sản thế chấp cho ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba (hợp đồng bảo lãnh) số 195 ngày 10/8/2010 nếu tài sản thế chấp không bị phát mãi và Ngân hàng đã thu hồi nợ xong.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn N có anh Trần Lê Thế Â là người đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu ông Lê Trường S có trách nhiệm trả số tiền là 42.519.400 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ông Lê Trường S đồng ý trả số tiền là 42.519.400 đồng cho ông Nguyễn Văn N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn N đối với khoản tiền trên, mà ông Lê Trường S chưa thi hành, hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH - MTV T, ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q, ông Cao Minh Q liên đới nộp 99.277.544 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh S được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003530 ngày 12/6/2012 là 29.867.000 đồng, biên lai số 022969 ngày 22/5/2014 là 22.000.000 đồng, biên lai số 036294 ngày 15/10/2015 là 10.085.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Công ty TNHH - MTV T, ông Lê Trường S, ông Đào Hồng Q liên đới nộp 53.775.582 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 32.813.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu số 003873 ngày 18/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. (do anh Trần Lê Thế Ân nộp thay)

- Bà Nguyễn Huỳnh K nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Huỳnh K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 13864 ngày 17/8/2017 sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm. Bà K không phải nộp thêm.

Về án phí phúc thẩm:

- Ông Đào Hồng Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 01139 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Ông Lê Trường S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 01056 ngày

03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 01045 ngày 02/10/2017 do anh Trần Lê Thế Ân nộp, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Bà Nguyễn Huỳnh K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng, theo biên lai số 01068 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. (do ông Lê Trường S ký nộp)

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Tấn